

Bản án số: 69/2024/HNST.

Ngày: 06/8/2024.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Văn Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT: Bà Võ Thị Nhu – kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2024/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2024/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng Y, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Số 9, đường Ngô Thời N, khóm 6, Phường 9, thành phố CM, tỉnh CM. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: C8-26, đường số 12, khu dân cư 586, khu vực Thạnh T, phường PT, quận CR, thành phố CT. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* ***Theo đơn khởi kiện ngày 04/03/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Y trình bày:***

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà và ông Phạm Hoàng T quen biết nhau là do tình cờ, tìm hiểu được khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PT, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 178/2022, ngày 12/12/2022. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mặc dù bà đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có sự thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau nhưng ông T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và bà đã bỏ về bên nhà

mẹ ruột sinh sống tại CM khoảng 01 năm nay. Từ lúc bà về sinh sống ở CM thì vợ chồng không có liên lạc hỏi thăm và quan tâm nhau nữa. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được và bà cũng đã không còn tình cảm với ông Phạm Hoàng T nên kiên quyết xin ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là cháu Phạm Như Y (nữ), sinh ngày 15/5/2023. Nguyên đơn xin được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 12/7/2024 bị đơn ông Phạm Hoàng T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Hoàng Y quen biết nhau là do tình cờ, tìm hiểu được khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PT, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 178/2022, ngày 12/12/2022. Tuy nhiên, từ sau khi vợ chồng đã đăng ký kết hôn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mặc dù ông cũng đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn gia đình để vợ chồng có sự thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau nhưng bà Y vẫn giữ theo lối sống cũ và không có sự thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên bà Y đã bỏ về bên nhà mẹ ruột sinh sống tại CM khoảng 01 năm nay. Từ lúc bà Y bỏ nhà đi thì vợ chồng đã không còn liên lạc hỏi thăm và quan tâm nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được và bà Y cũng đã kiên quyết xin ly hôn nên ông thống nhất thuận tình ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Y.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là cháu Phạm Như Y (nữ), sinh ngày 15/5/2023. Thống nhất để nguyên đơn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không đặt vấn đề cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có văn bản thay đổi ý kiến nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

* Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có văn bản thay đổi ý kiến nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mới đưa vụ án ra xét xử công khai. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn không đến Tòa án để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng có gửi ý kiến và đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PT, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 178/2022, ngày 12/12/2022 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn nên nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn. Đồng thời, bị đơn cũng không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại và cả hai đều yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Y là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 01 con chung là cháu Phạm Như Y (nữ), sinh ngày 15/5/2023. Nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Xét thấy, nguyên đơn có đủ điều kiện để nuôi con và hiện cháu Y cũng đang chung sống với bà Y nên để không thay đổi môi trường sống và sinh hoạt thường ngày của cháu Y nên việc giao con chung cho bà Nguyễn Hoàng Y được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phạm Hoàng T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung*: Cả hai khai không có và không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003506 ngày 30/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, điều 56, 58, 81, 82, 83 Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Y.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Hoàng Y được ly hôn với ông Phạm Hoàng T.

3. *Về con chung*: Bà Nguyễn Hoàng Y được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Như Y (nữ), sinh ngày 15/5/2023 đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phạm Hoàng T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

4. *Về tài sản chung*: Cả hai khai không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự yêu cầu.

5. *Về nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

6. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003506 ngày 30/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Xuân